SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG

HỘI THI

TÌM HIỂU NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HOÁ – LỊCH SỬ TỈNH ĐỒNG NAI

TÌM HIỂU LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI

Đồng Nai, tháng 11/2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BÀI DỰ THI
TÌM HIỂU LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên : **Phạm Thị Hoài Thương** Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 09/04/1985

Thường trú tại: Tổ 19 - KP 3 - P. Long Bình Tân - TP Biên Hoà - Đồng Nai

Điện thoại liên lạc: 0974.065.000 Email: hoaithuong.09kt401@gmail.com

Ngày vào Đảng: 03/02/2014.

Hiện công tác tại: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: 1597- Phạm Văn Thuận- P. Thống nhất - Biên Hoà - Đồng Nai

Điện thoại: 0613822297 Fax: 0613 285585

Chức danh công tác hiện nay: Chuyên Viên – Văn phòng Sở

NHẬN XÉT CỦA BAN GIÁM KHẢO

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

KH&CN: Khoa học và công nghệ

CNH: Công nghiệp hóa

HĐH: Hiện đại hóa

KT-XH: Kinh tế - Xã hội

UCS: Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. http://dost-dongnai.gov.vn

2. http://dongnai.gov.vn

3. Báo Chính phủ

Câu 1: Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua bao nhiêu kỳ Đại hội? Hãy nêu mục tiêu tổng quát các kỳ Đại hội?

Trả lời:

Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua 10 kỳ Đại hội. Mỗi kỳ đại hội Đảng là một mốc son lịch sử ghi nhận những thắng lợi, những thành tựu và những bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam nói chung và Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nói riêng. Những thắng lợi, thành tựu và bài học kinh nghiệm ấy đều bắt nguồn sâu xa từ việc Đảng bộ tỉnh Đồng Nai vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam và được thể hiện ở đường lối chính trị do các đại hội vạch ra trong mỗi giai đoạn cách mạng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI – LẦN THỨ I

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất (vòng 1) tiến hành từ ngày 11 đến ngày 21-11-1976 tại thành phố Biên Hoà. Tham dự có 420 đại biểu chính thức gồm 367 đại biểu nam, 52 đại biểu nữ, có 11 đại biểu dân tộc thiểu số, đại diện cho 6.810 đảng viên của 17 Đảng bộ huyện, thành phố, 7 Đảng bộ trực thuộc và 509 Chi bộ, Đảng bộ cơ sở.

Hình 1: Quang cảnh đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I

Mục tiêu tổng quát Đại hội lần thứ I

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ IV, Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra một số nhiệm vụ: đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện (nông, lâm, ngư nghiệp), từng bước xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh nông – công nghiệp giàu mạnh; cải tiến công tác phân phối lưu thông; hoàn thành cải

tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh; đẩy mạnh cải tạo đối với nông nghiệp; phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội, từng bước xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, quét sạch tàn dư văn hoá nô dịch, thực dân mới; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; Nắm vững và không ngừng củng cố hệ thống chuyên chính vô sản, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy hiệu lực của chính quyền; tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật và tư tưởng văn hoá, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt). Trong công tác xây dựng Đảng, xuất phát từ đặc điểm tình hình của một địa phương vừa giải phóng, Đại hội xác định: "Đi đôi với nâng cao chất lượng, phải phát triển chi bộ ở những nơi chưa có". Nghị quyết Đại hội đề ra phương hướng, xây dựng Đảng: "Việc phát triển đảng viên phải thông qua phong trào cách mạng của quần chúng, phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, thủ tục".

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI- LẦN THỨ II

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ II diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội đất nước nói chung, tỉnh Đồng Nai nói riêng gặp nhiều khó khăn do sai lầm, nóng vội, chủ quan trong quản lý điều hành kinh tế, do hậu quả chiến tranh và tác động của thiên tai, mất mùa. Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II họp từ ngày 10 đến ngày 12-7-1979 tại thành phố Biên Hoà. Tham dự Đại hội có 401 đại biểu đại diện cho trên 8.000 đảng viên trong toàn tỉnh.

Hình 2: Quang cảnh đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ II

Mục tiêu tổng quát Đại hội lần thứ II

Đảng bộ lần thứ II đã đề ra 6 mục tiêu chủ yếu như sau:

1. Ra sức ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân, đảm bảo cho mọi người có công ăn việc làm.

2. Làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến lớn, đáp ứng yêu cầu bảo vệ biên giới.

3. Tăng cường quốc phòng và an ninh chính trị, bảo vệ Tổ quốc, kịp thời ngăn chặn mọi âm mưu hành động phá rối, bạo loạn, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng trong mọi tình huống.

4. Hoàn thành cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành công, nông, thương, lâm, ngư nghiệp, phát triển sản xuất, phục vụ đời sống, tăng thu nhập cho nhân dân.

5. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm phát huy các thế mạnh của địa phương, đáp ứng yêu cầu trước mắt đồng thời chuẩn bị cho những năm tới. Ưu tiên phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và chế biến lương thực, thực phẩm.

6. Ra sức xây dựng cơ sở gắn liền với xây dựng cấp huyện, kiện toàn cấp tỉnh, đảm bảo phát huy vai trò Đảng lãnh đạo, quần chúng làm chủ tập thể, cải tiến một bước về quản lý và tổ chức kinh tế, quản lý đời sống nhân dân, chống mọi biểu hiện tham ô, móc ngoặc, cửa quyền.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI- LẦN THỨ III

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ III được tiến hành 02 vòng. Vòng 01, Đại hội bắt đầu từ ngày 07 đến ngày 16-01-1982. Tham dự Đại hội có 423 đại biểu (có 02 đại biểu do Trung ương cử về).Từ ngày 24 đến ngày 28-01-1983, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 2) được tiến hành. Tham dự Đại hội có 418 đại biểu chính thức đại diện cho gần 9.000 đảng viên của 16 Đảng bộ trực thuộc trong toàn tỉnh. Đại hội vinh dự đón tiếp đồng chí Lê Duẩn – Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng về dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo.

Mục tiêu tổng quát Đại hội lần thứ III

1. Tiếp tục củng cố hệ thống chuyên chính vô sản

2. Đáp ứng những nhu cầu cấp thiết nhất, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

3. Tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư.

4. Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất.

5. Phấn đấu nâng cao chất lượng và phát triển phong trào văn hoá xã hội.

6. Thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng về mọi mặt và không ngừng tăng cường quốc phòng toàn dân, ra sức giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

7. Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với sự nghiệp cách mạng cả nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế được giao.

Hình 3: Quang cảnh đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ III

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI- LẦN THỨ IV

Đại hội Đại biểu lần thứ IV. Đại hội họp từ ngày 20-10 đến ngày 26-10-1986. Về dự Đại hội có 447 đại biểu thay mặt cho trên 12.000 đảng viên của Đảng bộ 7 huyện, 1 thị xã, 1 thành phố và 10 Đảng uỷ trực thuộc. Đại hội thông qua báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ III, khẳng định những thành tựu đã đạt được trong 05 năm (1981–1985) về tất cả các mặt kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng của tỉnh trong tình hình chung có nhiều khó

khăn. Đó là thắng lợi quan trọng, có ý nghĩa làm cơ sở cho việc thực hiện nhiệm vụ trong 05 năm tiếp theo.

Hình 4: Quang cảnh đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IV

Mục tiêu tổng quát Đại hội lần thứ IV

Đại hội đề ra những biện pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh kinh tế phát triển, nhấn mạnh tiếp tục phát triển nông nghiệp toàn diện, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm và hàng xuất khẩu, phát triển công nghiệp; sản xuất các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và các mặt hàng xuất khẩu. Các ngành thương nghiệp, lương thực, ngân hàng, tài chính vật giá... phải lấy nhiệm vụ phục vụ sản xuất làm gốc, và phục vụ đời sống làm trọng tâm. Đẩy mạnh hơn nữa công tác xuất khẩu, nhằm đáp ứng các nhu cầu nhập khẩu để phát triển sản xuất và ổn định đời sống. Tiếp tục đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong 05 năm tới. Thực hiện đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào quản lý và phát triển kinh tế xã hội, đồng thời đưa các hoạt động văn hóa – xã hội lên bước phát triển phù hợp với chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước.

Trong lĩnh vực an ninh quốc phòng, Đại hội xác định phải nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược, thường xuyên nâng cao cảnh giác, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, làm tròn nghĩa vụ với cả nước và nghĩa vụ quốc tế, phát động phong trào toàn Đảng, toàn dân, toàn quân xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trên tất cả các địa bàn. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế hình thành cụm chiến đấu và chiến đấu liên hoàn trong pháo đài quân sự huyện trọng điểm.

Trong công tác nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, Đại hội xác định vai trò của nhân dân lao động tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng là rất quan trọng, quyết định thắng lợi nhiệm vụ đặt ra cho Đảng bộ trong những năm tiếp theo của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện đầy đủ quan điểm lấy dân làm gốc, mọi công việc đều xuất phát do dân và vì dân, phải thực sự dựa vào dân. Các công việc dân phải biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra trong việc xây dựng và thực hiện các chủ trương chính sách nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và công bằng xã hội.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI- LẦN THỨ V

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V (vòng 1) tiến hành từ ngày 23 đến 25-4-1991. Tham dự có 349/350 đại biểu được bầu cử dân chủ từ Đại hội của 17 Đảng bộ trực thuộc. Đại hội đã thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến thiết thực vào 05 bản dự thảo văn kiện sẽ trình tại Đại hội VII của Đảng. Đại hội đã bầu 17 đại biểu chính thức, 02 đại biểu dự khuyết của Đảng bộ dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII. Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V được tổ chức từ ngày 28-10 đến ngày 01-11-1991. Giáo sư – Tiến sĩ Nguyễn Đình Tứ – Bí thư Trung ương Đảng thay mặt Ban Bí thư Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo trực tiếp Đại hội. 288 đại biểu chính thức đại diện cho 14.650 đảng viên trong 15 Đảng bộ trực thuộc tỉnh dự Đại hội.

Mục tiêu tổng quát Đại hội lần thứ V

Đại hội đã tập trung trí tuệ của toàn Đảng bộ quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội VII của Đảng vào việc đánh giá tình hình, đề ra phương hướng, mục tiêu, các biện pháp cho nhiệm kỳ tới; đặc biệt là những mục tiêu và giải pháp kinh tế.

Đại hội đề ra 04 mục tiêu phát triển 05 năm (1991–1995) là:

1. Ổn định và phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, mở rộng kinh tế đối ngoại và khu vực trọng điểm kinh tế phía Nam.

2. Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, xây dựng nông thôn mới, từng bước giải quyết lao động, giảm tỷ lệ tăng dân số đến năm 1995 xuống dưới 02%.

3. Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đoàn kết toàn dân; tiếp tục đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng xã hội.

4. Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh, đảm bảo trật tự trị an toàn xã hội, thực hiện nghiêm kỷ cương pháp luật, ổn định tình hình chính trị trong tỉnh.

Hình 5: Quang cảnh đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI- LẦN THỨ VI

Từ ngày 02 đến ngày 04-5-1996 tại Thành phố Biên Hòa, tham dự Đại hội có 353 đại biểu, đồng chí Trần Thị Minh Hoàng làm Bí thư.

Mục tiêu tổng quát Đại hội lần thứ VI

"Giữ gìn và tăng cường ổn định chính trị; nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn thử thách; khai thác và tận dụng mọi nguồn lực cho yêu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phấn đấu xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh công nghiệp phát triển, từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp – dịch vụ với mức tăng trưởng cao, liên tục, bền vững để đến năm 2000 hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp – dịch vụ – nông nghiệp.

Bảo đảm hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế liên tục, vững chắc với giải quyết các vấn đề văn hóa – xã hội, an ninh quốc phòng, nâng dần mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân; góp phần cùng cả nước thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển một cách toàn diện và đồng bộ, tạo tiền đề cơ bản cho bước phát triển cao hơn trong những năm đầu thế kỷ XXI". Phải phấn đấu thực hiện các mục tiêu chủ yếu là: đưa nhịp độ tăng trưởng kinh tế hàng năm từ 16% trở lên để đến năm 2000, GDP bình quân đầu người đạt trên 850 USD. Tỷ trọng công nghiệp 43,5%, dịch vụ 37% và nông nghiệp 19,5% trong cơ cấu kinh tế.

Hình 6: Quang cảnh đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VI

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI- LẦN THỨ VII

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII (nhiệm kỳ 2001–2005) được tiến hành tại thành phố Biên Hoà trong hai ngày 28 và 29-12-2000. Dự Đại hội có 350 đại biểu chính thức thay mặt cho 22.626 đảng viên thuộc 14 Đảng bộ trực thuộc tỉnh. Đồng chí Nguyễn Mạnh Cầm, Uỷ viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ cùng nhiều đồng chí lãnh đạo các Ban Đảng của Trung ương về dự.

Hình 7: Quang cảnh đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII

Mục tiêu tổng quát Đại hội lần thứ VII

Tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, giữ vững ổn định chính trị, phát huy tối đa mọi nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh phù hợp tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, góp phần tích cực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung sức phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, lợi thế ở địa phương; ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, tạo nền tảng để đến năm 2010 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao, bền vững; gắn tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất - tinh thần của nhân dân với thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ và tái tạo môi trường sinh thái.Phấn đấu đến năm 2010, tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người tăng hơn 2 lần so với năm 2000, với cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động hợp lý, làm giảm đáng kể tình trạng chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI- LẦN THỨ VIII

Được tiến hành từ ngày 21 đến ngày 23-12-2005 tại Thành phố Biên Hòa. Có 300 đại biểu, đồng chí Trần Đình Thành được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ.

Hình 8: Quang cảnh đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII

Mục tiêu tổng quát Đại hội lần thứ VIII

Phát huy tối đa nguồn nội lực, đặc biệt là nhân tố con người. Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ. Mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, khu vực và thế giới. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về chất, nâng sức cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Phát triển kinh tế với cơ cấu hợp lý, nâng cao tỷ trọng khu vực dịch vụ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế gắn với việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc. Coi văn hoá là nền tảng, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội. Tập trung cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của bộ máy Nhà nước các cấp.

Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, phát huy hơn nữa sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân".

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI- LẦN THỨ IX

Đại hội Đại biểu lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Đồng Nai họp từ ngày 23 tháng 9 năm 2010 đến ngày 25 tháng 9 năm 2010 tại thành phố Biên Hòa, Đồng chí Trần Đình Thành tái đắc cử chức danh Bí thư Tỉnh ủy khóa IX

Hình 9: Quang cảnh đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX

Mục tiêu tổng quát Đại hội lần thứ IX

Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại doàn kết toàn dân; phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với bảo vệ môi trường; thực hiện tốt và đồng bộ các chính sách an sinh xã hội; nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng Đồng Nai thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào năm 2015

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI- LẦN THỨ X

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020) đã diễn ra từ ngày 28/9/2015 tới ngày 30/9/2015 với sự tham gia của 350 đại biểu, đại diện cho gần 66 ngàn Đảng viên toàn tỉnh. Đến dự Đại hội, về phía Trung ương có các đồng chí: Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ

Hình 10: Quang cảnh đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X

Mục tiêu tổng quát Đại hội lần thứ X

Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; xây dựng và phát triển con người toàn diện; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng Đồng Nai giàu mạnh, văn minh.

Hình ảnh: Tác giả tham quan trước thềm đại hội đảng bộ lần thứ X

Câu 2: Chủ trương nào trong các kỳ Đại hội được bạn tâm đắc nhất, vì sao (bài viết không quá 2000 từ).

Trả lời:

Tôi tâm đắc nhất Chủ trương ***"Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục – đào tạo và khoa học công nghệ"*** trong Nghị quyết đại hội đại biểu lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đề ra.

Có thể nói, cuộc chạy đua phát triển kinh tế - xã hội trên thế giới hiện nay thực chất là cuộc chạy đua về KH&CN, chạy đua nâng cao chất lượng và hiệu quả lao động trên cơ sở hiện đại hóa nguồn nhân lực.

Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng đã xác định: "KH&CN giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh

tranh của nền kinh tế. Phát triển KH&CN nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước".

Thực tiễn cho thấy, CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản và toàn diện nền sản xuất xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính với năng suất, chất lượng và hiệu quả thấp sang sử dụng lao động được đào tạo ngày càng nhiều hơn cho năng suất chất lượng và hiệu quả cao hơn dựa trên phương pháp sản xuất công nghiệp, vận dụng những thành tựu mới của KH&CN tiên tiến.

CNH, HĐH cũng là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các ngành sản xuất có hàm lượng KH&CN cao, giá trị gia tăng cao. Thực chất và nội dung cơ bản của CNH, HĐH là sáng tạo và ứng dụng tri thức do giáo dục - đào tạo và KH&CN tạo ra và phát triển kinh tế - xã hội, tạo nên sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Vì vậy, với tư cách là một thành tố cơ bản của nền văn hóa dân tộc, KH&CN có một vị trí trọng yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát triển giáo dục - đào tạo cùng với phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu, không chỉ có ý nghĩa lớn lao trong lĩnh vực sản xuất vật chất, mà còn là cơ sở để xây dựng nền văn hóa tinh thần của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Khoa học và công nghệ còn có tác dụng to lớn trong việc truyền bá hệ tư tưởng chính trị xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng lối sống, đạo đức và nhân cách mới của toàn bộ xã hội. Sự nghiệp CNH, HĐH đất nước không phải chỉ là quá trình đổi mới về KH&CN, hiện đại hóa, thị trường hóa nền sản xuất xã hội mà còn là quá trình chuyển đổi về tâm lý, phong tục tập quán, lối sống thích ứng với nhịp độ và tốc độ của xã hội công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế.

Theo quan điểm của Đảng thì KH&CN là quốc sách hàng đầu có nghĩa là chủ trương, chính sách phát triển đất nước, kinh tế - xã hội cũng như bảo vệ Tổ quốc đều phải dựa vào KH&CN và thực hiện bằng KH&CN. Chỉ có phát triển KH&CN, chúng ta mới phát triển được kinh tế - xã hội, giữ vững được độc lập dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Để KH&CN nhanh chóng phát huy được vai trò là nền tảng và động lực đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, Đảng, Nhà nước luôn có những chính sách quan tâm đặc biệt đến phát triển KH&CN.

Khoa học và công nghệ là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của tất cả các ngành, các cấp, là nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố quốc phòng an ninh. Hoạt động KH&CN không chỉ là nhiệm vụ của các nhà KH&CN, các nhà quản lý khoa học mà là công việc của mọi ngành, mọi cấp, mọi người... Mọi hoạt động kinh tế - xã hội đều đòi hỏi phải có nội dung KH&CN để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Mọi hành động phải xác định cơ sở khoa học của nó, phải điều tra, nghiên cứu, tìm ra quy luật, dự báo sự phát triển, đề xuất các giải pháp phù hợp với quy luật khách quan.

Các chủ trương, quyết định, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng phải có luận cứ xác đáng về KH&CN. Các nhiệm vụ KH&CN phải hướng vào giải quyết có hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội. Mọi ngành, mọi cấp phải đẩy mạnh việc triển khai nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi thành

tựu KH&CN vào hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, từ việc định hướng chiến lược phát triển, hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, kế hoạch đến việc tổ chức thực hiện.

Đặc biệt, trong sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, cần phải làm thay đổi tư duy, cách nghĩ, cách làm, nhanh chóng ứng dụng khoa học kỹ thuật, tạo ra các ngành nghề mới, các sản phẩm mới, tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Phát triển KH&CN không phải chỉ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển.

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng, đến nay hệ thống pháp luật về KH&CN đã được ban hành tương đối đầy đủ, đã tạo hành lang pháp lý đồng bộ, môi trường thuận lợi để thúc đẩy KH&CN phát triển, đạt được một số kết quả nổi bật, đóng góp thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và cải thiện đời sống của nhân dân. Khoa học xã hội và nhân văn đã cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Khoa học công nghệ đạt được một số thành tựu tiêu biểu trong nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao vị thế quốc tế của khoa học Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực toán học, vật lý lý thuyết...

*** Thành tựu khoa học và công nghệ đã đạt được trong cả nước nói chung:**

Khoa học kỹ thuật và công nghệ đã đóng góp tích cực trong việc thúc đẩy ứng dụng và đổi mới công nghệ của các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, y - dược, thông tin và truyền thông. Có thể nêu một số thành tựu điển hình như: Ngành công nghiệp đã làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị cơ khí thuỷ công cho các nhà máy thuỷ điện công suất lớn, đóng được loại tàu 53.000 tấn, tàu chở dầu thô 100.000 tấn, chế tạo giàn khoan tự nâng ở độ sâu 90m nước, phát triển công nghệ khai thác dầu trong đá móng nứt nẻ..; ngành nông nghiệp đã nâng giá trị gia tăng lên 30% nhờ tạo ra nhiều giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng và năng suất cao; ngành công nghệ thông tin và truyền thông đã nghiên cứu, sản xuất được phần mềm diệt virus BKAV cho máy tính, công nghệ Mobile Portal Socbay iMedia - phần mềm tin tức, giải trí tổng hợp dùng cho điện thoại di động, v.v.

*** Thành tựu khoa học và công nghệ đã đạt được trong tỉnh Đồng Nai nói riêng:**

Những năm vừa qua, hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai có nhiều đổi mới theo hướng xóa bỏ cơ chế xin - cho, đổi mới quy trình xét duyệt, tuyển chọn, ban hành các cơ chế tài chính trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng

đã huy động được nguồn lực các ngành, các cấp và thu hút nguồn nhân lực khoa học công nghệ ngoài tỉnh tham gia vào hoạt động nghiên cứu, ứng dụng; Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, gắn nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Hình ảnh: Giám đốc Sở KH&CN ký kết hợp tác với trường Đại học Okayama, Nhật Bản

- Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ: đào tạo nguồn nhân lực được xác định là một yếu tố có tính quyết định trong tiềm lực khoa học công nghệ. Do đó, Chương trình sau đại học của tỉnh Đồng Nai đã có những thành quả vượt bậc, đã và đang tạo bước đột phá về cả số lượng và chất lượng, tuyển chọn được 1.604 ứng viên tham gia chương trình, đạt 174,35 % so với kế hoạch giai đoạn 2011-2015 đã đề ra. Trong đó, một số chỉ tiêu đạt vượt cả kế hoạch giai đoạn như: đào tạo Tiến sĩ đạt 460,71%; đào tạo Thạc sĩ trong nước đạt 199,65; Thạc sĩ nước ngoài đạt 134%.

Hình ảnh: Lãnh đạo Sở Khoa học công nghệ ký kết hợp tác với trường Đại học Okayama Nhật Bản

- Cùng với đào tạo nguồn nhân lực, việc xây dựng và sử dụng có hiệu quả hạ tầng kỹ thuật khoa học công nghệ cũng là nhân tố đột phá trong tiềm lực khoa học công nghệ Đồng Nai. Một trong những công trình đó là đã đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng hiệu quả Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai để tiến tới thành lập Khu công nghệ cao công nghệ sinh học trong giai đoạn 2016-2020.

Hình ảnh: Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Phó Thủ tướng Võ Văn Ninh tham quan mô hình trồng dưa lưới trong nhà màng Trung tâm UCS

- Toàn tỉnh Đồng Nai phấn đấu xây dựng thành tỉnh có nền Khoa học và công nghệ đạt trình độ tiên tiến so với trình độ chung của khu vực; từng bước hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức, cơ bản có khả năng tự chủ những công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực của nền kinh tế với chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao; trở thành động lực trực tiếp với một tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hình ảnh: Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm quan Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai

- Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó tập trung nghiên cứu ứng dụng ở lĩnh vực ưu tiên là: phát triển nông nghiệp, nông thôn và 2 mũi nhọn đột phá là: đẩy mạnh phát triển hạ tầng khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực KH&CN có trình độ, chất lượng cao, làm động lực chính để phát triển khoa học và công nghệ bền vững, góp phần tích cực vào sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH của tỉnh, xứng tầm với một địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của Tổ quốc.

Hình ảnh: Giới thiệu công nghệ mới cho chiếu sáng công cộng tại Đồng Nai

- Xây dựng các luận cứ khoa học cho phát triển kinh tế - xã hội và cải cách thủ tục hành chính; Đẩy mạnh nghiên cứu đổi mới cơ chế chính sách khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các chiều rộng và chiều sâu, thực hiện xã hội hóa để thu hút các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ phát triển.

Hình ảnh: Hội thi cán bộ tuyên giáo giỏi ứng dụng công nghệ thông tin

* Chỉ có đổi mới và nâng cao được giáo dục đào tạo nguồn nhân lực và phát triển khoa học công nghệ thì đất nước mới phát triển nhanh và bền vững được. KH&CN sẽ thực sự trở thành động lực cho tăng trưởng kinh tế nếu đáp ứng nhu cầu của thị trường, được doanh nghiệp ứng dụng và sử dụng hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để tạo ra sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ có chất lượng cao. Chỉ có thông qua doanh nghiệp, KH&CN mới được "vật chất hoá" và thực sự phát huy đầy đủ được sức mạnh của mình.

Câu 3: Đánh giá những hạn chế của ngành hoặc lĩnh vực nơi bạn đang công tác và đề xuất giải pháp khắc phục trong thời gian tới (hoặc ngành và lĩnh vực mà bạn biết và quan tâm nhiều nhất).

Trả lời:

Chủ trương phát triển KH&CN đã được nêu ra từ rất sớm trong các Nghị quyết của Đảng, đặc biệt tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 (khoá VIII) ngày 24/12/1996 về định hướng chiến lược phát triển KH&CN trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) và nhiệm vụ đến năm 2020 đã khẳng định quan điểm KH&CN "là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công CNXH. CNH, HĐH đất nước phải bằng và dựa vào KH&CN". Quan điểm đó được tiếp tục bổ sung, phát triển tại các văn kiện Hội nghị lần thứ 6 (khoá IX), Đại hội Đảng lần thứ X, XI.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh, *KH&CN giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế*. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 khẳng định KH&CN *là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững*…

Bên cạnh những kết quả đã đạt được như:

+ Thành tựu khoa học và công nghệ đã đạt được trong cả nước nói chung:

*** KH&CN đóng góp quan trọng, thiết thực phục vụ CNH, HĐH đất nước**

Khoa học xã hội và nhân văn đã cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định các đường lối, chủ trương của Đảng qua các kỳ Đại hội; làm rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước; phục vụ đổi mới hệ thống chính trị, xác định rõ mô hình phát triển kinh tế trong giai đoạn chuyển đổi sang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện hệ thống luật pháp; góp phần to lớn trong sự nghiệp xây dựng và phát huy giá trị của nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; duy trì ổn định chính trị xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc phát triển đất nước. Các nghiên cứu về khoa học nhân văn cũng góp phần quan trọng khẳng định lịch sử

hình thành và phát triển dân tộc, các hệ giá trị và bản sắc văn hóa Việt Nam, khẳng định chủ quyền quốc gia và tính toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng và phát huy nhân tố con người trong chiến lược phát triển KT-XH đất nước.

Khoa học tự nhiên, tập trung nghiên cứu cơ bản, tạo cơ sở khoa học và triển vọng hình thành một số lĩnh vực KH&CN đa ngành mới về vũ trụ, y sinh, tính toán, môi trường, biển, nano, hạt nhân. Các nghiên cứu định hướng ứng dụng đã tạo ra các kết quả nổi bật trong lĩnh vực công nghệ nano, tế bào gốc, giải mã bộ gen người; làm rõ các giá trị tài nguyên thiên nhiên, điều kiện tự nhiên, khí hậu, môi trường, đóng góp thiết thực cho phát triển KT-XH, dự báo và hạn chế hậu quả thiên tai và biến đổi khí hậu. Bước đầu đã hình thành được một số nhóm nghiên cứu mạnh. Một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản đã được quan tâm đầu tư đúng mức. Việt Nam đã có thứ hạng khá cao trong khu vực về lĩnh vực nghiên cứu toán học, vật lý...

Khoa học kỹ thuật và công nghệ đã có đóng góp tích cực thúc đẩy ứng dụng và đổi mới công nghệ trong các ngành, lĩnh vực KT-XH, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, cải thiện tốc độ tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Trong lĩnh vực công nghiệp, việc ứng dụng và đổi mới công nghệ đã góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp tăng trưởng cao liên tục. Có thể kể tới một số kết quả điển hình: làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị cơ khí thủy công cho các nhà máy thủy điện công suất lớn; giàn khoan tự nâng ở độ sâu 90m nước phù hợp với điều kiện Việt Nam; giàn chống tự hành phù hợp đối với điều kiện địa chất các vỉa có độ dốc đến 350 tại vùng Quảng Ninh; công nghệ luyện thiếc chất lượng cao; công nghệ sản xuất thuốc tập hợp tuyển quặng Apatit loại III Lào Cai; nghiên cứu làm rõ tiềm năng dầu khí và chính xác hoá trữ lượng dầu khí toàn khu vực thềm lục địa và lãnh thổ Việt Nam; phát triển công nghệ khai thác dầu trong đá móng nứt nẻ…

Trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản, KH&CN đã đóng góp tới 30% giá trị gia tăng trong tăng trưởng nông nghiệp, giúp Việt Nam gia tăng giá trị sản lượng nông - lâm - thủy sản xuất khẩu lên mức gần 20 tỷ USD/năm. Trong 5 năm gần đây, các nhà khoa học Việt Nam đã tạo được hơn 142 giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao, trong đó, đã chọn tạo và tuyển chọn được gần 100 giống lúa mới, đưa năng suất lúa bình quân cả nước đạt trên 52,3 tạ/ha năm 2010, đứng đầu Đông Nam Á. Hoạt động KH&CN cũng có đóng góp rất có hiệu quả trong phát triển các cây công nghiệp quan trọng, có giá trị xuất khẩu lớn như cao su, cà phê, điều, hồ tiêu, chè, góp phần đưa Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu hàng đầu thế giới. Trong nuôi trồng thuỷ sản, Việt Nam đã làm chủ được hầu hết công nghệ sản xuất giống các loài cá nước ngọt và một số loài hải sản giá trị cao (cá tra, cá ba sa, tôm sú), giúp thủy sản trở thành ngành xuất khẩu mũi nhọn; nhiều giống gia súc, gia cầm mới có năng suất cao đã được tạo ra.

Trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin đã góp phần đưa ngành công nghiệp công nghệ thông tin và hạ tầng viễn thông phát triển vượt bậc. Trong bảng xếp hạng viễn thông châu Á, thị trường viễn thông Việt Nam đã được xếp thứ 13 cả về quy mô và tốc độ phát triển trên 3 lĩnh vực: cố định, di động và Internet. Công nghiệp công nghệ thông tin có tốc độ phát triển trung bình 20-25%/năm, đạt tổng doanh thu khoảng 6-7 tỷ USD vào năm 2010. Hiện nay, đã có những giải pháp an toàn, an ninh mạng hiệu quả được cộng đồng quốc tế công nhận.

Trong lĩnh vực giao thông, xây dựng, đã làm chủ các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, giám sát, thi công, xây lắp các công trình giao thông, xây dựng có quy mô và trình độ công nghệ ngang tầm với các nước trong khu vực; công nghệ thiết kế, chế tạo các loại vật liệu xây dựng mới, thiết bị; tiếp cận và làm chủ các công nghệ đúc hẫng cân bằng thi công cầu bê tông dự ứng lực khẩu độ lớn, công nghệ thi công cầu treo và cầu dây văng nhịp lớn, công nghệ xây dựng dạng kết cấu vòm thép nhồi bê tông, công nghệ xây hầm đường bộ, công nghệ cọc đất gia cố xi măng trong xây dựng cảng biển, sân bay; làm chủ công nghệ đóng tàu biển từ 6.500 đến 53.000 tấn, tàu chở dầu thô 115.000 tấn, kho nổi chứa dầu thô 150.000 tấn.

Trong lĩnh vực y - dược, các thành công trong lĩnh vực ghép tạng là bước tiến lớn trong ngành y tế Việt Nam có sự đóng góp quan trọng của KH&CN. Trong nghiên cứu tế bào gốc, đã làm chủ được quy trình phân lập, bảo quản tế bào gốc từ tuỷ xương, máu ngoại vi, vùng rìa giác mạc và bước đầu ứng dụng thành công trong điều trị các bệnh xương, khớp, ung thư, nhồi máu cơ tim, nhãn cầu, bỏng. Nhiều kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị được ứng dụng thành công như siêu âm, phẫu thuật nội soi, giải trình tự gen, siêu âm mạch, kỹ thuật nuôi cấy tinh tử... Y học cổ truyền cũng đã có bước phát triển quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ cao để sản xuất nhiều loại thuốc quý có nguồn gốc từ thảo dược trong nước phục vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Ngành dược đã nghiên cứu và sản xuất thành công 10 loại vắc xin (trong đó có vắc xin phòng bệnh tiêu chảy, viêm gan B và A, viêm não Nhật Bản, phòng bệnh tả) phục vụ tốt Chương trình tiêm chủng mở rộng và tiết kiệm cho ngân sách nhà nước hàng trăm tỷ đồng; bước đầu tiếp cận với các công nghệ bào chế hiện đại (công nghệ đông khô, sấy phun sương, sản xuất thuốc tác dụng kéo dài), góp phần nâng cao chất lượng thuốc sản xuất trong nước.

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, KH&CN đã góp phần xây dựng và hoàn thiện chiến lược quốc phòng, an ninh của đất nước, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; nâng cao năng lực bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tiến và từng bước làm chủ công nghệ chế tạo một số vũ khí, khí tài thiết yếu phục vụ hiện đại hóa quân đội, đáp ứng yêu cầu quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

*** Tiềm lực KH&CN có bước phát triển**

Nhân lực KH&CN, phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đến nay, cả nước có khoảng 4,28 triệu người có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên, trong đó có 24,3 nghìn tiến sĩ, 101 nghìn thạc sỹ So với năm 1996, đội ngũ này tăng hơn 4,6 lần (trung bình 11,6%/năm), số tiến sĩ tăng hơn 2,6 lần (7%/năm) và số thạc sỹ tăng 6,7 lần (14%/năm); tuổi bình quân là 38,5. Đây là lực lượng tiềm năng tham gia vào các hoạt động KH&CN của đất nước.

Cả nước có trên 62 nghìn người làm việc tại các tổ chức nghiên cứu và phát triển KH&CN, trong đó số nhân lực có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên khoảng 50 nghìn người (gần 5 nghìn tiến sĩ và trên 11 nghìn thạc sỹ). Số cán bộ nghiên cứu và phát triển đạt 7 người trên một vạn dân. So với năm 1996, số lượng nhân lực có trình độ cao đẳng hoặc đại học trở lên trong các tổ chức nghiên cứu và phát triển tăng gần 3 lần. Cán bộ nghiên cứu và phát triển của đất nước hiện được phân bổ theo các lĩnh vực chính như sau: khoa học xã hội và nhân văn 10,6%; khoa học tự nhiên 7,3%; khoa học nông nghiệp 25,3%; khoa học y dược 10,8%; khoa học kỹ thuật và công nghệ 45,9%.

Tổ chức KH&CN, tăng nhanh về số lượng, đa dạng hóa về loại hình. Đến nay, cả nước có trên 1.600 tổ chức KH&CN, trong đó, các tổ chức ngoài công lập có xu hướng ngày càng gia tăng so với các tổ chức công lập (hơn 56%).

Các tổ chức KH&CN công lập trong những năm gần đây được chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, kết quả và hiệu quả hoạt động nhìn chung đã được nâng cao. Đặc biệt, đã xuất hiện một loại hình tổ chức KH&CN mới - doanh nghiệp KH&CN, có triển vọng trở thành lực lượng sản xuất quan trọng đi đầu trong ứng dụng kết quả KH&CN ở các ngành, các lĩnh vực.

Nguồn lực tài chính cho KH&CN, đã tăng và duy trì mức đầu tư hàng năm đạt 2% tổng chi ngân sách nhà nước, tốc độ tăng trung bình trong 5 năm gần đây đạt khoảng 16,5%/năm . Nguồn lực tài chính được gia tăng đã tạo điều kiện để đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, xây dựng và nâng cấp các phòng thí nghiệm, đào tạo nhân lực KH&CN trình độ cao và triển khai các nhiệm vụ KH&CN phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Công tác xã hội hoá nguồn lực tài chính được coi trọng. Đã có hơn 20 tỉnh, thành phố và hàng trăm doanh nghiệp thành lập quỹ phát triển KH&CN, tạo nguồn vốn khá lớn cho hoạt động KH&CN. Đã xuất hiện các doanh nghiệp quan tâm đầu tư cho hoạt động KH&CN thông qua thành lập viện nghiên cứu, trường đại học của doanh nghiệp; đặc biệt đã có doanh nghiệp dành tới 5% thu nhập tính thuế cho hoạt động KH&CN. Đầu tư của xã hội, chủ yếu của doanh nghiệp cho KH&CN tăng nhanh, đạt gần 1% GDP, cơ cấu đầu tư cho KH&CN giữa Nhà nước và ngoài Nhà nước chuyển dịch theo hướng tích cực (70/30).

Hạ tầng kỹ thuật cho KH&CN, phục vụ nghiên cứu, ứng dụng KH&CN được nâng cấp và cải thiện một bước. Nhà nước đã đầu tư xây dựng 17 phòng

thí nghiệm trọng điểm quốc gia thuộc các lĩnh vực công nghệ ưu tiên cùng với nhiều phòng thí nghiệm chuẩn thuộc các lĩnh vực chuyên ngành ở các viện nghiên cứu, trường đại học với hệ thống trang thiết bị nghiên cứu tương đối hiện đại, đồng bộ. Hệ thống các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung cũng đã được quan tâm đầu tư phát triển. Các tỉnh, thành phố thuộc các vùng kinh tế trọng điểm đều dự kiến thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn.

Mạng lưới các tổ chức thông tin KH&CN đã được triển khai rộng khắp với hơn 500 cơ quan thông tin KH&CN ở Trung ương và địa phương. Nguồn thông tin KH&CN không ngừng được bổ sung, cập nhật. Hàng loạt các cơ sở dữ liệu, các mạng thông tin KH&CN đa ngành và chuyên ngành đã được đầu tư và phát huy hiệu quả. Mạng Nghiên cứu và Đào tạo Việt Nam (VinaREN) đã được đầu tư, triển khai hoạt động trên quy mô quốc gia, đạt chuẩn tiên tiến của thế giới. VinaREN đã kết nối hàng triệu cán bộ nghiên cứu, đào tạo và trên 100 viện nghiên cứu, trường đại học, bệnh viện và trung tâm dự báo khí tượng - thủy văn của Việt Nam với trên 45 triệu đồng nghiệp của hơn 8.000 tổ chức liên quan của khu vực và thế giới, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động chia sẻ thông tin và hợp tác nghiên cứu, đào tạo trong nước và quốc tế.

Hợp tác quốc tế về KH&CN được đẩy mạnh và ngày càng chủ động. Thành tựu cơ bản trong lĩnh vực hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN của Việt Nam trong những năm qua là đã đưa vị thế của quốc gia nhận viện trợ và bị động trở thành đối tác bình đẳng trong hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về KH&CN. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ hợp tác về KH&CN với 70 nước, tổ chức quốc tế và vùng lãnh thổ. Hơn 80 hiệp định, thỏa thuận hợp tác KH&CN cấp Chính phủ và cấp Bộ đã được ký kết và đang thực hiện. Việt Nam đã là thành viên của 100 tổ chức quốc tế và khu vực về KH&CN.

***Thành tựu khoa học và công nghệ đã đạt được trong tỉnh Đồng Nai nói riêng**

- Hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai có nhiều đổi mới theo hướng xóa bỏ cơ chế xin - cho, đổi mới quy trình xét duyệt, tuyển chọn, ban hành các cơ chế tài chính trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng đã huy động được nguồn lực các ngành, các cấp và thu hút nguồn nhân lực khoa học công nghệ ngoài tỉnh tham gia vào hoạt động nghiên cứu, ứng dụng; Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, gắn nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Hình ảnh: Sở KH&CN tổ chức hội thi tìm hiểu Hiến pháp và luật Khoa học và Công nghệ

- Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ: đào tạo nguồn nhân lực được xác định là một yếu tố có tính quyết định trong tiềm lực khoa học công nghệ. Do đó, Chương trình sau đại học của tỉnh Đồng Nai đã có những thành quả vượt bậc, đã và đang tạo bước đột phá về cả số lượng và chất lượng, tuyển chọn được 1.604 ứng viên tham gia chương trình, đạt 174,35 % so với kế hoạch giai đoạn 2011-2015 đã đề ra. Trong đó, một số chỉ tiêu đạt vượt cả kế hoạch giai đoạn như: đào tạo Tiến sĩ đạt 460,71%; đào tạo Thạc sĩ trong nước đạt 199,65; Thạc sĩ nước ngoài đạt 134%.

Hình ảnh: Ông Phạm Văn Sáng - Giám đốc Sở KH&CN tư vấn chương trình 2 cho các học sinh đạt giải quốc gia

- Cùng với đào tạo nguồn nhân lực, việc xây dựng và sử dụng có hiệu quả hạ tầng kỹ thuật khoa học công nghệ cũng là nhân tố đột phá trong tiềm lực khoa học công nghệ Đồng Nai. Một trong những công trình đó là đã đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng hiệu quả Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Đồng để tiến tới thành lập Khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học tỉnh trong giai đoạn 2016-2020.

Hình ảnh: PGS. TS Phạm Văn Sáng – Giám đốc Sở KH&CN giới thiệu với Thủ tướng và các thành viên đoàn công tác về hiệu quả các công trình ứng dụng công nghệ sinh học trong nhà màng

- Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, phát triển công nghệ chuyển biến tích cực theo hướng gắn chặt hơn với sản xuất, kinh doanh và hoạt động quản lý; hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ, đưa thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn vào đời sống nông dân. Quan tâm phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong 2 lĩnh vực ưu tiên (phát triển nông nghiệp, thực hiện cải cách hành chính) và 3 chương trình mũi nhọn (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, đào tạo nguồn nhân lực). Tập trung đầu tư xây dựng giai đoạn 1 Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học.

Hình ảnh: Sở KH&CN tổ chức Ngày hội ruộng đồng

Hình ảnh: Lãnh đạo Sở KH&CN trao chứng nhận
nhãn hiệu tập thể rượu Bến gỗ

- Đạt được kết quả trên là do hoạt động khoa học và công nghệ được đổi mới về cơ chế tài chính, thiết lập tốt cơ chế giữa 3 nhà (nhà khoa học, nhà quản lý, nhà doanh nghiệp) nên đã huy động được nguồn lực của các ngành, các cấp và

thu hút nguồn nhân lực khoa học công nghệ ngoài tỉnh tham gia thực hiện theo các chương trình mục tiêu đề ra.

Hình ảnh: PGS. TS Phạm Văn Sáng – Giám đốc Sở KH&CN triển khai Thông tư quy định kiểm tra nhà nước về đo lường

Hình ảnh: Sở KH&CN chấm thi mô hình hội thi sáng kiến sáng tạo

Hạn chế:

*** Khoa học công nghệ đối với cả nước nói chung:**

Bên cạnh những thành tựu nổi bật nêu trên, nhìn chung KH&CN nước ta còn trầm lắng và tồn tại nhiều hạn chế, chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động KH&CN còn mang nặng tính chất kinh viện, chưa

gắn kết chặt chẽ, có hiệu quả với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chỉ đáp ứng được một phần nhỏ nhu cầu của xã hội và doanh nghiệp; thành tựu KH&CN đạt được còn cục bộ, chưa mang tính hệ thống, chưa đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động KH&CN còn tồn tại nhiều bất hợp lý. Phương thức xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp còn trùng lặp, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, rất ít nhiệm vụ KH&CN mang tầm quốc gia và quốc tế. Cơ chế tài chính trong hoạt động KH&CN, nhất là thủ tục thanh quyết toán nhiệm vụ KH&CN còn rườm rà, phức tạp, không phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN, thậm chí nhà khoa học phải làm cái việc không muốn là "dối trá" thì mới hợp thức hoá định mức chi, nội dung chi để quyết toán nhiệm vụ KH&CN. Đầu tư cho KH&CN còn thấp, hiệu quả sử dụng chưa cao. Hiện nay, tổng đầu tư xã hội dành cho KH&CN mới chỉ đạt sấp xỉ 1% GDP, trong đó ngân sách nhà nước chiếm khoảng 2/3. So với các quốc gia đang phát triển khác thì mức đầu tư này là khiêm tốn, chẳng hạn ở Trung Quốc đạt khoảng 1,75% GDP, một số nước thuộc Tổ chức Hợp tác kinh tế và phát triển (OECD) đạt khoảng trên 2% GDP và chủ yếu là từ doanh nghiệp...

Việc phân bổ nguồn kinh phí 2% ngân sách nhà nước dành cho KH&CN hàng năm theo quy định hiện hành cho 63 tỉnh, thành phố, các Bộ, ngành và 2 viện quốc gia làm cho nguồn lực tài chính bị dàn trải, phân tán và nhiều trường hợp được sử dụng không đúng mục đích, kém hiệu quả, nhất là ở các địa phương không thực sự có nhu cầu và tiềm lực KH&CN. Hệ thống tổ chức KH&CN tuy tăng nhanh về số lượng, đạt trên 1.600 tổ chức, nhưng chưa đồng bộ về các ngành, lĩnh vực do thiếu quy hoạch tổng thể. Việc chuyển đổi các tổ chức KH&CN công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm triển khai còn rất chậm. Cơ sở hạ tầng - kỹ thuật và tiềm lực KH&CN quốc gia còn hạn chế, sử dụng chưa hiệu quả. Việc khai thác, sử dụng 03 khu công nghệ cao quốc gia, 17 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia chưa thật sự hiệu quả, chưa tương xứng với sự quan tâm đầu tư của Nhà nước. Thị trường KH&CN ở nước ta mới được hình thành, chậm phát triển và còn ở trình độ sơ khai; giao dịch trên thị trường chủ yếu vẫn là các trang thiết bị, máy móc, dây truyền sản xuất toàn bộ, các giao dịch mua bán công nghệ ở dạng văn bằng sáng chế, bí quyết công nghệ, giải pháp hữu ích còn rất ít. Doanh nghiệp KH&CN chưa phát triển, số lượng còn quá ít nên chưa thúc đẩy gia tăng nhu cầu công nghệ trên thị trường.

Khoa học và Công nghệ Việt Nam còn đối mặt với nhiều hạn chế, yếu kém cần khắc phục, nhiều khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ để có bước phát triển đột phá và thực sự trở thành động lực cho công cuộc CNH, HĐH đất nước, như: KH&CN chưa thực sự trở thành động lực then chốt cho phát triển KT-XH, chưa bám sát yêu cầu phát triển của đất nước; tiềm lực KH&CN phát triển còn chậm; việc đổi mới cơ chế quản lý hoạt động KH&CN chưa đáp ứng yêu cầu; thị trường KH&CN còn sơ khai, chậm phát triển; Hợp tác quốc tế về KH&CN chưa tạo được hiệu quả nổi bật. Quá trình đầu tư đổi mới, phát triển và làm chủ công nghệ hiện đại trong các doanh nghiệp còn chậm nên chất lượng tăng

trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, chậm được cải thiện.

Tình trạng nói trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng chủ yếu là do: nhiều chủ trương, đường lối của Đảng về KH&CN còn chậm được quán triệt, thể chế hóa và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, hiệu quả ở các cấp, các ngành; trình độ và quy mô của nền kinh tế, mức độ phát triển các quan hệ xã hội, văn hoá, nhận thức của người dân và thực tế một quốc gia chỉ vừa mới vượt qua ngưỡng nghèo với thu nhập bình quân đầu người còn rất thấp; môi trường đầu tư và cạnh tranh chưa thuận lợi cho phát triển KH&CN; công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động KH&CN chưa theo kịp với sự phát triển của KH&CN cũng như sự chuyển đổi của nền kinh tế; các chính sách sử dụng, trọng dụng đội ngũ cán bộ KH&CN chưa thỏa đáng, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính cho KH&CN còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN. Tất cả những vấn đề đó đã và đang cản trở sự phát triển của KH&CN nước ta.

*** Khoa học công nghệ đối với tỉnh Đồng Nai nói riêng:**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thì còn Khoa học và Công nghệ trong tỉnh còn một số mặt hạn chế như: "Khoa học – công nghệ chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của đội ngũ các nhà khoa học trên địa bàn tỉnh; ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, đời sống còn ở mức thấp, hiệu quả chưa cao".

- Kết quả thực hiện chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh ở các doanh nghiệp chuyển biến chậm, trình độ chuyên môn của cán bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác nghiên cứu, triển khai, ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế.

Nguyên nhân hạn chế là do chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến, đổi mới công nghệ chưa thực sự hấp dẫn, công tác tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp tham gia các chương trình khoa học công nghệ chưa thực hiện tốt.

Trước hết, cần xây dựng nhận thức đúng đắn về khoa học và công nghệ. Đó không phải chỉ là hoạt động của các nhà khoa học mà là hoạt động của toàn dân, của toàn thể hệ thống chính trị. Khoa học và công nghệ là hoạt động để tạo ra sức mạnh vật chất, sức mạnh tinh thần mới. Đó là yếu tố tạo nên nền tảng kiến thức, hiểu biết, kỹ năng của người lao động, của toàn bộ dân tộc. Đó là yếu tố vừa thúc đẩy vừa là cơ sở cho sản xuất và xã hội phát triển. Đó là yếu tố để khôi phục đạo đức truyền thống, đồng thời là yếu tố hình thành và xây dựng đạo đức mới, tiền tiến. Đó là yếu tố nâng cao khả năng cạnh tranh của nước ta trên thị trường thế giới, đồng thời tạo nên sức mạnh của dân tộc ta trong quá trình hội nhập quốc tế. Nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã từng viết: "Đảng phải nắm

lấy ngọn cờ khoa học, phải "trở thành khoa học", vì chính chủ nghĩa xã hội là hiện thân của khoa học, là sự thống nhất biện chứng của cách mạng khoa học và cách mạng xã hội" (Tạp chí Trí thức và Phát triển, số Tết Ất Mùi, trang 15).

*** Đề xuất giải pháp thúc đẩy khoa học và công nghệ đối với quốc gia:**

Bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển kinh tế tri thức ngày nay đang tạo ra cơ hội và thách thức lớn đối với KH&CN nước ta. Để KH&CN thực sự trở thành động lực then chốt của sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ yếu sau đây:

Nâng cao nhận thức xã hội, các cấp uỷ đảng, chính quyền và doanh nghiệp về vị trí, vai trò then chốt của KH&CN trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Cấp uỷ, chính quyền các cấp cần coi phát triển và đẩy mạnh ứng dụng KH&CN là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm; gắn mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN với các mục tiêu, nhiệm vụ, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động KH&CN, coi đây là khâu đột phá để phát triển và nâng cao hiệu quả KH&CN, trong đó, trọng tâm là đổi mới phương thức đầu tư, cơ chế tài chính và chính sách đối với cán bộ KH&CN.

Việc phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước dành cho KH&CN hàng năm cần phù hợp với phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu trong từng giai đoạn; căn cứ vào kết quả, hiệu quả sử dụng kinh phí KH&CN của Bộ, ngành, địa phương để có những điều chỉnh phù hợp nhằm khắc phục tình trạng dàn trải, phân tán, sử dụng không đúng mục đích, không hiệu quả nguồn vốn này. Cơ chế tài chính của hoạt động KH&CN, nhất là đối với các nhiệm vụ KH&CN cần phải linh hoạt, kịp thời theo tiến độ đặt hàng hoặc đề xuất, đáp ứng đòi hỏi cấp thiết, trực tiếp hoặc lâu dài của mỗi loại nhiệm vụ. Nội dung, định mức chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN, thủ tục thanh quyết toán nhiệm vụ KH&CN cần đơn giản hoá, phù hợp với thực tiễn và đặc thù của hoạt động KH&CN.

Đổi mới phương thức huy động các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển KH&CN, nhất là từ doanh nghiệp. Có cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo sức ép buộc doanh nghiệp phải đầu tư nghiên cứu, phát triển, đổi mới công nghệ và trở thành nơi cung cấp, sử dụng công nghệ lớn trên thị trường, trong đó các doanh nghiệp KH&CN đóng vai trò nòng cốt.

Đổi mới phương thức xây dựng và triển khai các nhiệm vụ KH&CN theo hướng lấy mục tiêu và hiệu quả ứng dụng là tiêu chuẩn hàng đầu. Các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu phục vụ hoạch định đường lối, chính sách, quốc phòng, an ninh và mục đích công cộng cần có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những lĩnh vực mà Việt Nam

có lợi thế. Các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng cần hướng vào đáp ứng nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp và yêu cầu phát triển của ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương. Tập trung nguồn lực để nghiên cứu phát triển các hướng KH&CN trọng điểm có ý nghĩa quan trọng đối với nền kinh tế, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới và kỹ thuật hiện đại, phát triển công nghệ cao, nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và công nghệ tự động hoá vào sản xuất và đời sống nhằm tạo ra những sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thiết thực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Đa dạng hoá phương thức triển khai nhiệm vụ KH&CN như giao, khoán, đấu thầu, đặt hàng... cùng với cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm KH&CN cuối cùng, trong đó đẩy mạnh thực hiện phương thức đặt hàng nhiệm vụ, sản phẩm KH&CN gắn với trách nhiệm của người đặt hàng, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong việc sử dụng kết quả phục vụ phát triển đất nước, các ngành và các địa phương.

Xây dựng và thực thi chính sách phát hiện, thu hút, đào tạo, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ KH&CN trình độ cao, có kết quả nghiên cứu đạt trình độ quốc tế, có sản phẩm khoa học có giá trị đối với đất nước. Tạo điều kiện thuận lợi để trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, các nhà khoa học nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN ở Việt Nam. Đẩy mạnh hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về KH&CN, đặc biệt là với các địa bàn trọng điểm có công nghệ nguồn cần khai thác, giải mã và chuyển giao để phục vụ yêu cầu đổi mới công nghệ trong nước, nâng cao năng lực KH&CN quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

*** Đề xuất giải pháp thúc đẩy khoa học và công nghệ đối với tỉnh nhà:**

Phát triển KH&CN cùng với giáo dục - đào tạo phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất, bảo đảm thành công của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, nâng cao vị thế quốc gia và giữ vững chủ quyền, độc lập dân tộc. Trong đó, sự lãnh đạo của Đảng có vai trò quyết định, năng lực quản lý của Nhà nước, tài năng, tâm huyết của các nhà khoa học và sự tham gia chủ động, tích cực của mọi lực lượng xã hội là điều kiện tiên quyết.

Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&CN là khâu đột phá, trong đó tập trung đổi mới công tác xây dựng kế hoạch, phương thức đầu tư, cơ chế tài chính và chính sách cán bộ, trao quyền tự chủ toàn diện cho các tổ chức KH&CN, giải phóng sức sáng tạo và tạo động lực cho KH&CN phát triển.

Đẩy mạnh đầu tư cho nhân lực KH&CN và đãi ngộ trí thức. Coi đây là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Đảng và Nhà nước chỉ đạo xây dựng quy hoạch và có chính sách đặc biệt phát triển, trọng dụng và phát huy tiềm năng sáng tạo của đội ngũ cán bộ KH&CN.

Ưu tiên nguồn lực quốc gia cho phát triển KH&CN, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao tiềm lực và năng lực KH&CN

quốc gia. Coi doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN, trong đó doanh nghiệp KH&CN có vai trò đặc biệt quan trọng. Quan tâm đúng mức nghiên cứu cơ bản, tập trung cho nghiên cứu ứng dụng, chú trọng tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng.

Chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng với định hướng dài hạn và kế hoạch hợp tác quốc tế trung hạn về KH&CN là giải pháp rất quan trọng để cập nhật tri thức KH&CN tiên tiến của thế giới, bổ sung nguồn lực, nâng cao tiềm lực KH&CN quốc gia.

Để thực hiện những quan điểm lớn trên đây, cần có giải pháp và biện pháp chỉ đạo đồng bộ, tập trung phát triển nguồn lực KH&CN tương xứng yêu cầu của nền KT-XH trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế. Cần xây dựng lộ trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện tốt các mục tiêu đã được đề ra trong Nghị quyết:

- Đến năm 2020, Việt Nam có một nền KH&CN phát triển nằm trong nhóm các nước dẫn đầu ASEAN, một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới; tiềm lực KH&CN đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Phát triển đồng bộ khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ, bảo đảm cung cấp kịp thời luận cứ khoa học cần thiết cho việc hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Nâng cao nhận thức về khoa học và công nghệ, cần xây dựng văn hóa khoa học và công nghệ, nâng cao tâm lý của toàn xã hội tham gia vào phát triển khoa học và công nghệ. Văn hóa khoa học và công nghệ bao gồm: tâm thế xã hội coi trọng khoa học và công nghệ; đổi mới tái cơ cấu tổ chức và hoạt động quản lý khoa học và công nghệ, theo hướng nâng cao tự do tư tưởng, tự do tìm tòi khám phá, tự do đổi mới sáng tạo; tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ; sắp xếp lại nhân lực khoa học – công nghệ của tỉnh Đồng Nai để tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn thể đội ngũ; có cơ chế chính sách đầy đủ để không bỏ bớt lực lượng, đi đôi với đề cao và trọng dụng nhân tài.

Vấn đề hiện nay là tổ chức triển khai thực hiện thật tốt những chủ trương, chính sách đã có, điều mà những năm vừa qua tỉnh ta chưa làm được. Muốn vậy, cần giải quyết tốt, đồng bộ liên hoàn các quan điểm sau đây:

1. Cần có cách nhìn và cách giải quyết biện chứng các hoạt động khoa học và công nghệ. Hoạt động khoa học và công nghệ không thể chỉ là những hoạt động lẻ tẻ, rời rạc của một số người. Đây là hoạt động với trách nhiệm cao của cả một hệ thống gồm nhiều tổ chức, nhiều cá nhân được sắp xếp trên các tổng thể, các bậc khác nhau. Hệ thống này cần được tổ chức để hoạt động, ăn khớp, hài hòa,

nhịp nhàng để có thể bổ sung hỗ trợ cho nhau và cuối cùng tạo nên kết quả thống nhất của toàn bộ hệ thống.

2. Cần giải quyết các vấn đề theo một trật tự logic. Cái trước làm tiền đề và có cơ sở cho cái sau, cái sau phải kế thừa cho được các kết quả mà các cái trước đã giải quyết, nếu không sẽ không thể tạo ra được kết quả mà lại làm cho toàn bộ hệ thống bị rối loạn. Trong hoạt động khoa học và công nghệ các mục tiêu kinh tế - xã hội thường được phân chia thành nhiều vấn đề khoa học và công nghệ để giải quyết; sau đó tập hợp lại để giải quyết mục tiêu chung. Nếu các vấn đề khoa học và công nghệ chưa được giải quyết mà đã đi ngay vào mục tiêu kinh tế - xã hội, trong nhiều trường hợp không thể thu được kết quả như mong muốn, mà nhiều khi gặp thất bại.

3. Khoa học và công nghệ muốn trở thành động lực cho phát triển kinh tế - xã hội cần được phát huy cả toàn bộ hệ thống theo chiều dọc (R-D-P: nghiên cứu – triển khai – đưa vào sản xuất), cũng như theo chiều ngang (công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ - xã hội nhân văn). Vì vậy, cần đảm bảo tính đồng bộ, tính tổng hợp trong toàn bộ hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Rất cần có sự phân công cụ thể cho các đơn vị, các nhà khoa học để nâng cao trách nhiệm giải quyết các vấn đề cụ thể đúng theo khối lượng, theo yêu cầu chất lượng đã được đề ra, đồng thời đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ để tạo sự đồng bộ, hài hòa giữa tất cả các bộ phận.

Phát triển khoa học và công nghệ là sự nghiệp của toàn Đảng và toàn dân, nhưng đội ngũ những nhà khoa học, những người hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực này có ý nghĩa to lớn, mang tính quyết định. Đội ngũ này cần được đào tạo để đủ trình độ theo kịp phát triển của thế giới, được sắp xếp và phân bố hợp lý, tạo điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống. Bên cạnh đó, đội ngũ này rất cần sự đánh giá đúng, sự trọng thị, sự tin cậy của lãnh đạo, sự quan tâm, coi trọng của xã hội

Để khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững, cần có sự kết hợp đồng bộ hài hòa giữa các yếu tố: quyết tâm thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ của lãnh đạo; tinh thần trách nhiệm của các cơ quan và các nhà quản lý; nhiệt tình, năng động, sáng tạo của đội ngũ các nhà khoa học.

- Toàn tỉnh Đồng Nai phấn đấu xây dựng thành tỉnh có nền khoa học và công nghệ đạt trình độ tiên tiến so với trình độ chung của khu vực; từng bước hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức, cơ bản có khả năng tự chủ những công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực của nền kinh tế với chất lượng tăng trưởng,

năng suất, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao; trở thành động lực trực tiếp với một tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó tập trung nghiên cứu ứng dụng ở lĩnh vực ưu tiên là: phát triển nông nghiệp, nông thôn và 2 mũi nhọn đột phá là: đẩy mạnh phát triển hạ tầng khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực KH&CN có trình độ, chất lượng cao, làm động lực chính để phát triển khoa học và công nghệ bền vững, góp phần tích cực vào sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH của tỉnh, xứng tầm với một địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của Tổ quốc.

- Xây dựng các luận cứ khoa học cho phát triển kinh tế - xã hội và cải cách thủ tục hành chính; Đẩy mạnh nghiên cứu đổi mới cơ chế chính sách khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các chiều rộng và chiều sâu, thực hiện xã hội hóa để thu hút các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ phát triển.

- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai đã đề xuất các giải pháp, trong đó đặc biệt chú trọng đến giải pháp ứng dụng khoa học và công nghệ, kỹ thuật tiên tiến vào hoạt động sản xuất để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh các sản phẩm của tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

1. Tập trung các nguồn lực triển khai để giải quyết, bảo đảm mang lại hiệu quả thiết thực các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm; nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các hướng công nghệ ưu tiên phù hợp với Đồng Nai: công nghệ thông tin – truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo máy – tự động hóa và công nghệ môi trường.

2. Tập trung nguồn lực tài chính nhà nước và kết hợp đẩy mạnh huy động xã hội hóa để tập trung đầu tư xây dựng các dự án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh như: Khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học, Trung tâm chiếu xạ, Trung tâm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường tỉnh, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm tin học và thông tin khoa học và công nghệ tỉnh.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu làm chủ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sản xuất sản phẩm thương hiệu Việt Nam. Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng xác thực điện tử trong giao dịch điện tử; các chương trình ứng dụng hỗ trợ phát triển Chính phủ điện tử thế hệ mới; đẩy mạnh triển khai các dịch vụ trực tuyến.

4. Tạo cơ chế thông thoáng trong việc ứng dụng, sản xuất thử nghiệm từ kết quả nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc nhân rộng trong việc áp dụng vào sản xuất và đời sống xã hội. Nhân rộng kết quả phong trào hội thi nhằm thúc đẩy

phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất; phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ; tăng cường công tác phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ để nâng cao dân trí về khoa học công nghệ.

5. Phát triển nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao của tỉnh dựa trên cơ sở các hệ thống đào tạo hiện đại hóa và xã hội hóa; Ban hành cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, sử dụng chất xám nguồn nhân lực KH&CN có trình độ cao; Có cơ chế, chính sách ưu đãi để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nguồn nhân lực KH&CN của tỉnh; Nghiên cứu xây dựng, ban hành chính sách đặc thù thu hút các nhà khoa học đầu ngành trong tỉnh, ngoài tỉnh và nước ngoài vào làm việc cho tỉnh; Tập hợp và phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ tri thức KH&CN đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH tỉnh Đồng Nai.

6. Thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ nghiên cứu về giống kỹ thuật canh tác phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các vùng chuyên canh, thâm canh; tổ chức nhân rộng các mô hình sản xuất tiên tiến, hiệu quả cao phù hợp phục vụ sản xuất và đời sống. Ứng dụng công nghệ cao, trong sản xuất, sau thu hoạch nhằm tăng năng suất, hiệu quả kinh tế, đảm bảo an toàn thực phẩm; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuộc các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, thủy lợi, bảo vệ rừng.

7. Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế đặt hàng của các ngành, các cấp và phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ. Nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành KH&CN theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

8. Hướng dẫn doanh nghiệp đánh giá công nghệ, đổi mới công nghệ tập trung chủ yếu vào các sản phẩm xuất khẩu chủ lực. Thực hiện có hiệu quả công tác hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển năng suất, chất lượng và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

9. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp. Cung cấp thông tin sở hữu công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu triển khai, hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân tạo dựng, xác lập quyền, khai thác và phát triển giá trị thương mại và bảo vệ tài sản sở hữu công nghiệp, đặc biệt là tên gọi xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý dùng cho đặc sản của địa phương.

10. Khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh tham gia

vào thị trường công nghệ. Hình thành hệ thống các tổ chức trung gian công nghệ, giao dịch công nghệ , chợ công nghệ - thiết bị tạo điều kiện thuận lợi thực hiện các giao dịch mua bán công nghệ; Thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ thông qua việc tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị hàng năm trên địa bàn tỉnh./.

HÌNH ẢNH TƯ LIỆU CÁC KỲ ĐẠI HỘI ĐẢNG

Hình ảnh: Tác giả tham quan triển lãm hình ảnh các kỳ đại hội đảng bộ tỉnh Đồng Nai

Hình ảnh: các đoàn đại biểu chúc mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I

Hình ảnh: Đại biểu trình bài tham luận trong Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II

Hình ảnh: Ban chấp hành Trung ương ra mắt trước Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III

Hình ảnh: Đ/c Lê Duẩn về dự đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III

Hình ảnh: Đại biểu biểu quyết thông qua văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV

Hình ảnh: Các đại biểu trang nghiêm chào Quốc ca và đảng ca

Hình ảnh: Đ/c Phan Văn Trang báo cáo trước đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V

Hình ảnh: Đ/c Phan Văn Trang Bí thư Tỉnh ủy và BCH Tỉnh ủy ra mắt đại hội

Hình ảnh: BCH Tỉnh ủy ra mắt trước Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI

Hình ảnh: Đ/c Nguyễn Mạnh Cầm UVBCT, Bí thư Trung ương Đảng chỉ đạo đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII

Hình ảnh: Toàn cảnh đại hội Đảng biểu đảng bộ tỉnh lần thứ VIII

Hình ảnh: Đ/c Trần Đình Thành đọc báo cáo chinh trị tại Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ VIII

Hình ảnh: Đại biểu thiếu nhi đến chào mừng đại hội đại biểu lần thứ IX

Hình ảnh: Đ/c Võ Văn Một, thay mặt đoàn chủ tịch trình bày báo cáo tại đại hội đảng bộ lần thứ IX

Hình ảnh: Quang cảnh đại hội đại biểu lần thứ X